

Phụ lục II
KÝ HIỆU MẪU, KÝ HIỆU CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ
(Kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC
ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử

a) Ký hiệu mẫu chứng từ là 03/TNCN;

b) Ký hiệu chứng từ gồm sáu ký tự gồm cả chữ viết và chữ số được quy định như sau:

- Hai chữ đầu “CT” là chữ viết tắt của chứng từ;

- Hai ký tự tiếp theo là hai chữ số Ả-rập thể hiện năm lập chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử được xác định theo hai chữ số cuối của năm dương lịch;

- Hai ký tự cuối là chữ viết do tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế tự xác định căn cứ theo nhu cầu quản lý. Trường hợp tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế sử dụng nhiều mẫu chứng từ điện tử trong cùng một loại chứng từ thì sử dụng hai ký tự cuối để phân biệt các mẫu chứng từ;

Ví dụ: 03/TNCNCT26AA: Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử lập và cấp cho người nộp thuế trong năm 2026.

- Số chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử là số thứ tự được thể hiện trên chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử. Số chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử được ghi bằng chữ số Ả-rập có tối đa tám chữ số bắt đầu từ số 01 vào ngày 01 tháng 01 hoặc ngày bắt đầu sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm;

- Tại bản thể hiện, ký hiệu mẫu, ký hiệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử và số chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử được thể hiện ở phía trên bên phải của chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (hoặc ở vị trí dễ nhận biết).

2. Biên lai

Ký hiệu mẫu biên lai là các thông tin thể hiện tên loại biên lai, số thứ tự mẫu trong một loại biên lai (một loại biên lai có thể có nhiều mẫu). Ký hiệu biên lai là dấu hiệu phân biệt biên lai bằng hệ thống các chữ cái tiếng Việt và hai chữ số cuối của năm dương lịch.

a) Ký hiệu mẫu biên lai điện tử có năm ký tự gồm:

- Ba chữ cái (EBL) và hai ký tự số, cụ thể: (01) thể hiện biên lai thu phí, lệ phí không có mệnh giá, (02) thể hiện biên lai thu phí, lệ phí có mệnh giá.

- Ví dụ: EBL01, EBL02.

b) Ký hiệu biên lai điện tử gồm năm ký tự:

- Hai ký tự đầu tiên là hai chữ số Ả-rập thể hiện năm lập biên lai điện tử được xác định theo hai chữ số cuối của năm dương lịch. Ví dụ: Năm lập biên lai điện tử là năm 2026 thì thể hiện là số 26;

- Một ký tự tiếp theo là một chữ cái được quy định là T áp dụng đối với biên lai điện tử do tổ chức đăng ký sử dụng với cơ quan thuế;

- Hai ký tự tiếp theo là nhóm hai chữ cái trong hai mươi chữ cái in hoa của bảng chữ cái tiếng Việt bao gồm: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y thể hiện ký hiệu biên lai được tự xác định, theo nhu cầu quản lý.